TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi
Ông Mai Văn Chất

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 -Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Xuân T, sinh năm 1988 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Phạm Mạnh T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ Bàn Thị H1 và 02 con (trong đó có 01 con riêng của T và 01 con riêng của H1); tiền sự: Không; tiền án: có 02 tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 240/2014/HSST ngày 31/7/2014 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Xuân T 28 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 05/11/2014 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2016.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 423/2018/HSST ngày 09/11/2018 của Tòa

án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Xuân T 09 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tại bản án này xác định Phạm Xuân T phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm".

+ Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 159/2019/HSPT ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 423/2018/HSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Xuân T 09 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo đã nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm ngày 05/6/2019; chấp hành hình phạt tù xong ngày 07/02/2024;

Bị tạm giữ từ ngày 02/6/2025 đến ngày 10/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt)

2. Bùi Ngọc T2, sinh năm 1988 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Phú Thọ (trước đây thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc D (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; có vợ Nguyễn Thị H2 (đã ly hôn) và vợ Nguyễn Thị T4 (chưa đăng ký kết hôn) và 03 con (trong đó có 01 con riêng của T2) tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Bùi Ngọc T2 08 năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/4/2019 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2023; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2007/HSST ngày 27/4/2007 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Ngọc T2 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" và nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 23/8/2007.

Bị tạm giữ từ ngày 06/6/2025 đến ngày 10/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) (vắng mặt)

2. Anh Đỗ Minh N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị H, sinh

năm 1962; nơi cư trú: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1968 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau. Ngày 31/5/2025, Bùi Ngọc T2 bắt xe khách từ thành phố Hà Nội về nhà Phạm Xuân T tại xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình) chơi. Do không có tiền tiêu xài nên Phạm Xuân T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền và rủ T2 cùng tham gia, Bùi Ngọc T2 đồng ý. Trong ngày 31/5/2025, Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 31/5/2025, Phạm Xuân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng không gắn biển kiểm soát đi đón Bùi Ngọc T2. Sau khi đón T2, Phạm Xuân T đã rủ T2 đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu và được T2 đồng ý. T chở T2 đi lòng vòng trên đường để xem có ai sơ hở trong việc quản lý xe máy sẽ trộm cắp. Khi cả hai đi đến đường T thuộc phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là phố K, xã Y, tỉnh Ninh Bình) thì T để cho T2 lái xe còn mình ngồi sau. Khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày, khi T2 điều khiển xe chở T đến khu vực nhà chị Vũ Thị V, sinh năm 1992 ở phố K, xã Y, tỉnh Ninh Bình, T phát hiện 01 xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1-243.52 của chị Vũ Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình), chị N đến nhà chị V chơi nhưng quên rút chìa khóa đang dựng trên vỉa hè trước nhà chị V. Quan sát thấy không có người trông coi, T nói với T2 "Có xe Vision kìa", T2 hiểu là có xe để lấy trộm nên điều khiển xe mô tô đi đến gần cách vị trí dựng xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52 của chị Vũ Thị N khoảng 05 mét thì dừng lại còn T xuống xe đi bộ đến vị trí xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52 của chị Vũ Thị N thấy chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe nên T ngồi lên xe mô tô của chị N rồi điều khiển xe mô tô này ra đường đi về nhà. Bùi Ngọc T2 cũng điều khiển xe mô tô HONDA Wave màu trắng đi theo. Trên đường đi cả hai dừng xe mở cốp xe mô tô của chị N vừa trộm cắp được thì thấy có 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe hạng A1; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy đều mang tên Vũ Thị N (T đưa cho T2 giữ); 01 sợi dây chuyền màu vàng, 02 chiếc

nhẫn màu vàng (T giữ); còn 01 sổ khám bệnh; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì T mang ra sau nhà đốt. Đối với xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52 cất giấu tại nhà T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản vi phạm trong lĩnh vực tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình kết luận: *"Giá trị của xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52, số khung RLHJF5811GY322669, số máy JF66E -0322712 mua năm 2017 với giá 30.000.000 đồng, xe đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 31/5/2025 là 16.766.700 đồng".*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trưng cầu giám định hóa học đối với 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu không màu; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu màu hồng, xung quanh gắn nhiều vật liệu nhỏ không màu; 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã bị đứt); 01 chiếc hoa tai kim loại màu vàng, màu trắng, phía trước gắn 01 viên vật liệu nhỏ không màu.

Tại Kết luận giám định số 5229/KL-KTHS ngày 17/7/2025 của V2 Bộ C1 kết luận:

"- 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu không màu gửi giám định có tổng khối lượng 1,93 gam (tính cả khối lượng viên vật liệu) là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 41,17%, Ag 9,72%;

- 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu màu hồng, xung quanh gắn nhiều vật liệu nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng 5,94 gam (tính cả khối lượng các viên vật liệu) là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 38,89%, Ag 9,87%;

- 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã bị đứt) gửi giám định có tổng khối lượng 4,37 gam là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 41,47%, Ag 5,63%;

- 01 chiếc hoa tai kim loại màu vàng, màu trắng, phía trước gắn 01 viên vật liệu nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng 1,51 gam (tính cả khối lượng các viên vật liệu) là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 41,45%, Ag 7,37%. Phần kim loại có màu trắng do được mạ R (R)".

Tại Kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận:

"- 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu không màu

gửi giám định có tổng khối lượng 1,93 gam (tính cả khối lượng viên vật liệu) là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 41,17%, Ag 9,72% có giá trị là 1.966.666 đồng tại thời điểm ngày 31/5/2025;

- 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu màu hồng, xung quanh gắn nhiều vật liệu nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng 5,94 gam (tính cả khối lượng các viên vật liệu) là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 38,89%, Ag 9,87% có giá trị là 2.766.666 đồng tại thời điểm ngày 31/5/2025;

- 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã bị đứt) gửi giám định có tổng khối lượng 4,37 gam là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 41,47%, Ag 5,63% có giá trị là 4.533.333 đồng tại thời điểm ngày 31/5/2025;

- 01 chiếc hoa tai kim loại màu vàng, màu trắng, phía trước gắn 01 viên vật liệu nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng 1,51 gam (tính cả khối lượng các viên vật liệu) là hợp kim của vàng (A), bạc (A), đồng (Cu), kẽm (Z), hàm lượng trung bình: Au 41,45%, Ag 7,37%. Phần kim loại có màu trắng do được mạ R (Rh)" có giá trị là 1.683.333 đồng tại thời điểm ngày 31/5/2025.

Tổng giá trị các tài sản trên tại thời điểm ngày 31/5/2025 là 10.949.998 đồng".

Như vậy tổng giá trị tài sản Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 chiếm đoạt của chị Vũ Thị N là **27.716.698 đồng**.

Lần thứ hai: Sau khi trộm cắp được xe mô tô biển kiểm soát 35K1-243.52, T2 ở lại nhà T chơi đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng không gắn biển kiểm soát chở T ngồi phía sau lượn các tuyến đường của xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xã K, tỉnh Ninh Bình) tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày khi đi đến khu vực trước cửa nhà chị Vũ Thị N3, sinh năm 1997 trú tại xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình) cả hai phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 35B2 -284.40 của anh Đỗ Minh N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) cho mẹ là bà Phạm Thị N2, sinh năm 1968; nơi cư trú: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) mượn sử dụng đang dựng tại đây. Quan sát thấy không có người, T2 điều khiển xe dừng lại sát lề đường gần khu vực chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B2 -284.40 đang dựng trong sân. Lúc này, T2 vẫn để xe nổ máy, ngồi trên xe cảnh giới còn T xuống xe đi đến chỗ chiếc xe mô tô

biển kiểm soát 35B2 -284.40 dùng tay móc vào khe hở cổ xe kéo ra 02 dây điện ở phía trên ổ khóa đấu nối với nhau, thấy đèn báo trên mặt đồng hồ xe sáng lên thì T đề nổ xe mô tô rồi đi ra đường, T2 cũng điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi đi đến khu vực đường B - K thuộc xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) thì T giao chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cho T2 mang đi tiêu thụ còn T điều khiển xe mô tô của mình đi về nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình kết luận: *"Giá trị của xe mô tô HONDA loại Wave, màu sơn trắng biển kiểm soát 35B2 -284.40, số khung 3903HY1660777, số máy JA39B0165199, mua năm 2017, xe đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 31/5/2025 là 6.500.000 đồng".*

Như vậy tổng giá trị tài sản Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 chiếm đoạt của anh Đỗ Minh N1 là **6.500.000 đồng.**

Ngày 01/6/2025, Công an thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là Công an xã Y, tỉnh Ninh Bình) tiến hành triệu tập Phạm Xuân T lên làm việc. Biết không thể che giấu Phạm Xuân T đã đầu thú khai nhận hành vi cùng Bùi Ngọc T2 trộm cắp tài sản ngày 31/5/2025 đồng thời giao nộp: 01 xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu không màu; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu màu hồng, xung quanh gắn nhiều vật liệu nhỏ không màu; 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã bị đứt); 01 chiếc hoa tai kim loại màu vàng, màu trắng, phía trước gắn 01 viên vật liệu nhỏ không màu cùng 01 áo nỉ màu đen có mũ trùm đầu không có tem, nhãn mác; 01 quần bò màu xanh; 01 áo khoác gió có mũ trùm đầu. Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của Phạm Xuân T tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn trắng, không gắn biển kiểm soát, số khung RLHJA393XRY193496; số máy JA70E0561371.

Ngày 06/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã triệu tập Bùi Ngọc T2 lên làm việc. Quá trình làm việc Bùi Ngọc T2 đầu thú khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình cùng với Phạm Xuân T đồng thời giao nộp: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021237, biển kiểm soát 35K1 -243.52; 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Vũ Thị N và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Wave, màu sơn trắng biển kiểm soát 35B2 -284.40.

Bà Phạm Thị N2 giao nộp: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077487, biển kiểm soát 35B2 -284.40 mang tên Đỗ Minh N1 và 01 chìa khóa xe

mô tô.

**** Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ và trách nhiệm dân sự:***

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại cho chị Vũ Thị N: 01 xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu không màu; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu màu hồng, xung quanh gắn nhiều vật liệu nhỏ không màu; 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã bị đứt); 01 chiếc hoa tai kim loại màu vàng, màu trắng, phía trước gắn 01 viên vật liệu nhỏ không màu; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021237, biển kiểm soát 35K1 - 243.52; 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Vũ Thị N. Đối với 01 sổ khám chữa bệnh; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị N đã bị Phạm Xuân T đốt. Phạm Xuân T đã tự nguyện bồi thường cho chị Vũ Thị N số tiền 9.000.000 đồng. Chị N đã nhận lại các tài sản cùng số tiền 9.000.000 đồng do T bồi thường và không yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại cho anh Đỗ Minh N1: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Wave, màu sơn trắng biển kiểm soát 35B2 - 284.40 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và 01 chìa khóa xe mô tô. Anh N1 đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn trắng, không gắn biển kiểm soát, số khung RLHJA393XRY193496; số máy JA70E0561371 quá trình điều tra T khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết trên thành phố Hà Nội vào khoảng cuối tháng 4/2025, xe không giấy tờ và biển kiểm soát. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với xe mô tô này.

Tại Bản kết luận giám định số 501/KL-KTHS-KTĐCh ngày 26/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: *"Không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, thay đổi, sửa chữa, đủng, đục lại số khung, số máy của xe mô tô gửi giám định. Số khung, số máy nguyên thủy của xe được xác định là: số khung RLHJA393XRY193496; số máy JA70E0561371*". Chiếc xe mô tô này được đăng ký biển kiểm soát 24AA-025.03, chủ xe là anh Trần Đình V1, sinh năm 2005, nơi ĐKHKTT: tổ H, phường L, tỉnh Lào Cai (trước đây tổ H, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai); trú tại: số I, ngõ B đường T, xã G, thành phố Hà Nội (trước đây số 9, ngõ B đường T, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội). Ngày 17/4/2025, anh V1 để xe mô tô trên đường N

làng C, xã G, thành phố Hà Nội để làm việc bị mất trộm. Anh V1 đã đến Công an thị trấn T nay là Công an xã G trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã chuyển chiếc xe mô tô này cùng tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSKV4 ngày 04 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Ngọc T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản cáo của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T từ 39 đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/6/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T2 từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/6/2025.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo nỉ màu đen có mũ trùm đầu không có tem, nhãn mác; 01 quần bò màu xanh; 01 áo khoác gió có mũ trùm đầu.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T: 01 điện thoại Iphone 11 ProMax được niêm phong trong phòng bì thư nhưng tiếp tục quản lý lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, các bị hại cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác do vậy vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong vụ án; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng đơn trình báo mất tài sản của chị Vũ Thị N ngày 31/5/2025 (BL 26); Biên bản khám nghiệm hiện trường + Sơ đồ hiện trường + Bản ảnh khám nghiệm hiện trường tại nhà bà Vũ Thị V địa chỉ phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là phố K, xã Y, tỉnh Ninh Bình) ngày 03/6/2025 (BL 27-34); Đơn trình báo ngày 31/5/2025 của bà Phạm Thị N2 (BL 247); Biên bản khám nghiệm hiện trường + Sơ đồ hiện trường + Bản ảnh khám nghiệm hiện trường tại nhà bà Phạm Thị N2 địa chỉ xóm A, xã Y, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) ngày 19/6/2025 (BL 218-227); Đơn xin đầu thú + Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú của bị cáo Phạm Xuân T ngày 01/6/2025 (BL 36-37; 39-40); Đơn xin đầu thú + Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú của bị cáo Bùi Ngọc T2 ngày 06/6/2025 (BL 43-44); Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình (BL 144-145); Kết luận giám định số 5229/KL-KTHS ngày 17/7/2025 của V2 Bộ C1 (BL 153); Kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình (BL 161-164); Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản vi phạm trong lĩnh vực tố

tụng hình sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình (BL 229-230) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở khẳng định: Trong ngày 31/5/2025 tại khu vực xã K và thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình), bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 31/5/2025, tại khu phố K, xã Y, tỉnh Ninh Bình, Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chị Vũ Thị N nên đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52 có giá trị là 16.766.700 đồng cùng 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu không màu; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, mặt nhẫn gắn 01 viên vật liệu màu hồng, xung quanh gắn nhiều vật liệu nhỏ không màu; 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã bị đứt); 01 chiếc hoa tai kim loại màu vàng, màu trắng, phía trước gắn 01 viên vật liệu nhỏ không màu có giá trị là 10.949.998 đồng. Tổng giá trị tài sản Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 chiếm đoạt của chị Vũ Thị N là **27.716.698 đồng**.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày tại khu vực xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình) Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của bà Phạm Thị N2 đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B2 -284.40 do anh Đỗ Minh N1 cho bà Phạm Thị N2 mượn có giá trị là **6.500.000 đồng.**

Như vậy tổng giá trị tài sản Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã chiếm đoạt của chị Vũ Thị N và anh Đỗ Minh N1 là **34. 216.698 đồng**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 423/2018/HSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hình sự phúc thẩm số 159/2019/HSPT ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 09 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngày 31/5/2025, bị cáo lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản" với lỗi cố ý mà Bản án hình sự sơ thẩm trên chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp *"Tái phạm nguy hiểm"* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Bùi Ngọc T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự: Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) .....

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) .....

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

.....

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố các bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 với điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo lợi dụng thời điểm giữa trưa và chập tối khi mà các chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản sơ hở để thực hiện hành vi tại nơi có đông dân cư sinh sống gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh mới có tác dụng răn đe chính bản thân các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong ngày 31/5/2025 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Ngọc T2 đang có 01 tiền án về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại phạm tội mới nên lần phạm tội này thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Phạm Xuân T đã đốt

01 sổ khám chữa bệnh; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Vũ Thị N quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Vũ Thị N số tiền 9.000.000 đồng. Chị N đã nhận số tiền 9.000.000 đồng do bị cáo T bồi thường; bị cáo Bùi Ngọc T2 tự nguyện nộp lại giấy tờ và các tài sản đã trộm cắp để trả lại cho các bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho 02 bị cáo. Sau khi bị hại có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập các bị cáo lên làm việc và các bị cáo đều có đơn đầu thú về hành vi phạm tội của mình; ông Bùi Ngọc D là bố của bị cáo Bùi Ngọc T2 thương binh loại ¾; bị hại chị Vũ Thị N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Xuân T là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự áp dụng cho cả 02 bị cáo khi lượng hình.

- Về nhân thân: Cả 02 bị cáo đều có nhân thân xấu đều đã bị Tòa án xét xử về tội phạm ma túy, xâm phạm sở hữu của công dân.

[4] Vụ án có 02 bị cáo tham gia nhưng là đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo Phạm Xuân T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Bùi Ngọc T2 tham gia phạm tội đồng thời trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và giữ các tài sản trộm cắp nhiều nhất nên bị cáo giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo Bùi Ngọc T2 sau khi được bị cáo Phạm Xuân T rủ rê đi trộm cắp tài sản đã đồng ý, khi bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo giữ vai trò giúp sức cho bị cáo T thực hiện và giữ các tài sản trộm cắp được ít hơn bị cáo T nên giữ vị trí sau bị cáo T.

Từ sự phân tích nêu trên căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vị trí vai trò của bị cáo trong vụ án đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian theo đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ sức răn đe, cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các tài sản đã bị các bị cáo chiếm đoạt sau khi vụ án bị phát hiện các bị cáo đã tự nguyện trả lại các tài sản đã trộm cắp cho bị hại là chị Vũ Thị N và anh Đỗ Minh N1. Đối với 01 sổ khám chữa bệnh; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Vũ Thị N quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Vũ Thị N số tiền 9.000.000 đồng. Chị N đã nhận số tiền 9.000.000 đồng do bị cáo T bồi thường. Bị cáo Bùi Ngọc T2 đã giao nộp 01

Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021237, biển kiểm soát 35K1 - 243.52; 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Vũ Thị N và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Wave, màu sơn trắng biển kiểm soát 35B2 -284.40 để Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại. Quá trình điều tra bị hại là chị N và anh N1 sau khi nhận lại tài sản và tiền bồi thường đều không có yêu cầu đề nghị các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 áo nỉ màu đen có mũ trùm đầu không có tem, nhãn mác; 01 quần bò màu xanh; 01 áo khoác gió có mũ trùm đầu. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng dùng vào việc phạm tội và không có giá trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 11 ProMax màu đen mà bị cáo Phạm Xuân T tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng điện thoại để liên lạc với bị cáo T2 để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tiếp tục quản lý lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7] Về một số tình tiết khác của vụ án.

- Đối với 01 sổ khám chữa bệnh; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Vũ Thị N mà bị cáo Phạm Xuân T đã đốt để che dấu hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N không có căn cứ để truy tìm, xử lý theo quy định.

- Đối với bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; nơi cư trú: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Xuân T. Sau khi bị cáo T trộm cắp được xe mô tô HONDA VISION, màu xanh, biển kiểm soát 35K1- 243.52 của chị Vũ Thị N thì bị cáo T và T2 đã cất giấu tại nhà ở của bị cáo T nhưng bà Nguyễn Thị H không biết nên không có căn xử lý đối với bà Nguyễn Thị H.

[8] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố

tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân T;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Ngọc T2;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt:

1.1 Bị cáo **Phạm Xuân T** 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/6/2025.

1.2 Bị cáo **Bùi Ngọc T2** 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/6/2025.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo nỉ màu đen có mũ trùm đầu không có tem, nhãn mác; 01 quần bò màu xanh; 01 áo khoác gió có mũ trùm đầu.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T: 01 điện thoại Iphone 11 ProMax, màu đen được niêm phong trong phong bì nhưng tiếp tục quản lý lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Chi tiết như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/9/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình).

3. Án phí: Bị cáo Phạm Xuân T và Bùi Ngọc T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2025). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
- Phòng PC01 Công an tỉnh: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10): 01 bản;
- Phòng HS&NV Công an tỉnh: 01 bản;
- Trại tạm giam: 02 bản:
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Bị hại: 02 bản;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu tòa và HCTP: 03 bản;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu